

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày: 13 - 11 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thái.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Tại điểm cầu trung tâm ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm.

Người hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tham gia phiên tòa:
Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2023, điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai và trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

Họ và tên:

1/ Nguyễn Trung G, sinh năm 1984, tại: Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 (c) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1956 (s); Có vợ: Huỳnh Thị Kiều T, sinh năm 1985 và 01 con (15 tuổi). Tiền án: Ngày 05/03/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm kết án 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2021/HS-ST; Tiền sự: không. Nhân thân: không có tiền sự. Bị cáo bị tạm giữ ngày 12/6/2023, đến ngày 14/6/2023 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2/ Nguyễn Văn D, sinh ngày 01/01/1977, tại: Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1945 (s) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948 (s). Tiền án: không; Tiền sự: không. Nhân thân: Có án tích, bị Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu kết án 04 tháng 26 ngày tù về tội trộm cắp tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2016/HS-ST, ngày 19/02/2016. Bị cáo bị tạm giữ ngày ngày 13/7/2023, đến ngày 14/7/2023 bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bị hại:

1/ Ông **Nguyễn Khánh L**, sinh năm 1999. (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Ông **Võ Tất T**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Quảng B, xã Nghĩa T, huyện Đắc R, tỉnh Đắk Nông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lưu Tấn L**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước T, xã Phước L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người làm chứng:

1/ Bà **Lý Thị P**, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm D, phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2/ Anh **Lê Hoài S**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Quảng T, xã Nghĩa T, huyện Đắc R, tỉnh Đắk Nông

3/ Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Quảng T, xã Nghĩa T, huyện Đắc R, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 31/05/2023 bị cáo Nguyễn Trung G uống rượu cùng với bị cáo Nguyễn Văn D, ở khóm Tân T, phường B, thị xã N, trong lúc uống rượu bị cáo Nguyễn Trung G khởi xướng rủ bị cáo Nguyễn Văn D đến nhà của ông Nguyễn Văn B ở khóm Tân T, phường B, thị xã N để lấy cắp tài sản bán lấy tiền để đi lên tỉnh Đắk Nông làm thuê, nghe vậy bị cáo Nguyễn Văn D liền đồng ý và nói “đi thì đi”. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày 31/5/2023 các bị cáo đi ra phía sau nhà của ông Nguyễn Văn B, bị cáo Nguyễn Văn D dùng tay kéo tấm vách ván phía nhà sau ra, rồi các bị cáo đột nhập vào trong nhà, thấy có 02 chiếc xe mô tô để gần nhau, trong đó chiếc xe mô tô hiệu Nouvo biển số 83C1- 085.55 còn gắn chìa khóa

trong ổ khóa xe. Bị cáo G liền dắt chiếc xe mô tô biển số 83C1- 085.55 đi, còn bị cáo D mở chốt cửa nhà sau để cho bị cáo G dắt xe đi, bị cáo D ở phía sau nắm ba ga xe phụ tiếp đẩy, dắt đi được đoạn đường khoảng 50 mét thì bị cáo G đề máy và điều khiển xe mô tô biển số 83C1- 085.55 chở bị cáo D chạy đi. Các bị cáo điều khiển xe đến nhà của bà Lý Thị P ở Khóm D, phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu để kêu bà P cầm chiếc xe với số tiền 1.000.000 đồng, nhưng bà P từ chối vì do xe không có giấy tờ. Sau đó, các bị cáo điều khiển xe chạy đến huyện Phước L, tỉnh Bạc Liêu để bán. Khoảng 07 giờ sáng ngày 01/6/2023 các bị cáo chạy xe mô tô biển số 83C1- 085.55 đến bán cho ông Lưu Tấn L, chủ cơ sở thu mua phế liệu, ở ấp Phước T, xã Phước L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Các bị cáo bán được với số tiền 800.000 đồng. Sau khi bán xong thì các bị cáo đi bộ ra tuyến đường Quản lộ Phụng Hiệp để đón xe khách đi lên tỉnh Đắc Nông để tìm việc làm.

Trong thời gian ở làm thuê, bị cáo Nguyễn Trung G quen biết với ông Võ Tất T, ở thôn Quảng B, xã Nghĩa T, huyện Đắc R, tỉnh Đắc Nông. Khoảng 17 giờ ngày 10/6/2023 ông T tổ chức tiệc rượu tại nhà cùng với ông Cao Hoài S, Hoàng Văn T và bị cáo Nguyễn Trung G. Đến khoảng 23 giờ, cùng ngày 10/6/2023 thì tất cả nghỉ nhậu. Ông S đi về nhà, còn ông T và T vào trong phòng ngủ. Khi đó bị cáo G đi xuống bếp nhà của ông T để nấu gói mì tôm ăn. Sau khi ăn mì xong bị cáo G nhìn thấy ông T và ông T đã ngủ say, bị cáo G liền nảy sinh ý định lấy cắp chiếc xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, bị cáo G đến chiếc tủ ti vi lấy chìa khóa xe, rồi lén lút lấy cắp chiếc xe mô tô hiệu Honda biển số 48H1- 285.79 của ông T dẫn đi ra ngoài đường lộ và điều khiển xe chạy về đến nhà của bị cáo ở khóm Tân T, phường B, thị xã N. Khi vừa về đến nhà, bị cáo G được người thân cho biết Công an thị xã Ngã Năm đang truy bắt bị cáo, do có liên quan trong vụ án trộm cắp tài sản tại nhà của ông Nguyễn Văn B vào ngày 31/5/2023, nên vào ngày 12/6/2023 bị cáo G đến cơ quan Công an “đầu thú” khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại chiếc xe mô tô hiệu Honda biển số 48H1- 285.79 vừa trộm cắp được của ông T. Đồng thời, từ lời khai của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm tiến hành đến nhà của ông Lưu Tấn L, ở ấp Phước T, xã Phước L, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để thu giữ chiếc xe mô tô biển số 83C1- 085.55.

Theo Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 13/06/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Ngã Năm, thì chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo -5 biển số 83C1- 085.55 của ông Nguyễn Văn B bị chiếm đoạt với số tiền 6.333.000 đồng.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 29/06/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đắc R, thì chiếc xe mô tô hiệu Honda biển số 48H1- 285.79 của ông Võ Tất T bị chiếm đoạt với số tiền: 18.630.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 38/CT-VKNN ngày 28/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Đồng thời, đề nghị HĐXX xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Về tình tiết tăng nặng đối với bị cáo Nguyễn Trung G: Sau khi cùng với bị cáo D trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn B, thì bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản của ông Võ Tất T nên thuộc tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, do tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho các bị hại; Ngoài ra, các bị cáo có trình độ học vấn còn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; Riêng bị cáo Nguyễn Trung G sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an “đầu thú” và giao nộp lại chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trung G xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; Về trách nhiệm dân sự không có ai yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét; Về xử lý vật chứng đã giải quyết xong nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

- Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Cơ quan điều tra Công an thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, Kiểm sát viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt những người bị hại ông Nguyễn Khánh L, ông Võ Tất T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Tấn L và những người làm

chứng bà Lý Thị P, anh Lê Hoài S, ông Hoàng Văn T. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người nêu trên đã có lời khai đầy đủ. Đồng thời, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có đơn không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và việc vắng mặt của họ không làm cản trở đến việc xét xử hành vi của các bị cáo. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 23 giờ, ngày 31/5/2023 tại nhà ông Nguyễn Văn B, khóm Tân T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng các bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Nouvo biển số 83C1- 085.55 của ông Nguyễn Văn B. Theo Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 13/06/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thị xã Ngã Năm, thì chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA loại Nouvo biển số 83C1- 085.55 có giá trị 6.333.000 đồng. Ngoài ra, vào khoảng 23 giờ, ngày 10/6/2023 tại nhà ông Võ Tất T, ở thôn Quảng B, xã Nghĩa T, huyện Đắc R, tỉnh Đắc Nông, bị cáo Nguyễn Trung G có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Honda biển số 48H1- 285.79 của anh Võ Tất T. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 29/06/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đắc R, thì chiếc xe mô tô hiệu HONDA biển số 48H1- 285.79 có giá trị 18.630.000 đồng. Lời thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra. Đồng thời, lời thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ. Từ đó, hành vi của các bị cáo đã hội đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 38/CT-VKSNN, ngày 28/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo về hành vi và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo nên HĐXX chấp nhận.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật; Bản thân các bị cáo cũng hiểu rõ người nào cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị. Ngoài ra, các bị cáo từng có 01 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Tuy nhiên, các bị cáo không biết lỗi mà vẫn cố tình lén lút lấy trộm tài sản của các bị hại để tiêu sài cá nhân. Do đó, đối với hành vi của các bị cáo cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và cũng là phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội, nhất là trong thời điểm hiện nay loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng.

[5] Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo cần xem xét hành vi phạm tội của từng bị cáo như sau:

[6] Xét về hành vi của bị cáo Nguyễn Trung G, thì thấy: Bị cáo là người khởi xướng và rủ rê bị cáo D lấy trộm tài sản của bị hại Bưởi để lấy tiền đi làm

thuê. Bị cáo cũng chính là người thực hiện hành vi lấy trộm tài sản và cùng với bị cáo D đem đi tiêu thụ. Ngoài ra, sau khi thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo D thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của bị hại Tân ở thôn Quảng B, xã Nghĩa T, huyện Đắk R, tỉnh Đắk Nông. Đồng thời, giá trị tài sản bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm cả 02 lần đều đủ định lượng cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy, bị cáo thực hiện hành vi 02 lần trộm cắp tài sản của các bị hại là độc lập và không liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian cả 02 lần trộm đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm đây được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*”, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “*tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, do tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho các bị hại; Bị cáo có trình độ học vấn còn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; Ngoài ra, sau khi lấy trộm tài sản của bị hại ông Võ Tất T chưa kịp tiêu thụ, bị cáo đã đến cơ quan Công an “đầu thú” và giao nộp lại tài sản đã trộm đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị xem xét và áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[7] Xét về hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D, thì thấy: Do không có tiền tiêu sai nên khi nghe bị cáo G rủ lấy trộm tài sản của người khác thì bị cáo liền đồng ý mà không có ngăn cản. Khi đến nhà bị hại Buổi bị cáo dùng tay kéo tấm vách ván phía nhà sau để đi vào. Khi phát hiện tài sản thì bị cáo cùng với bị cáo G thực hiện hành vi lấy trộm và đem đi tiêu thụ. Giá trị tài sản bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm đủ định lượng cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, do tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả cho các bị hại; Ngoài ra, bị cáo có trình độ học vấn còn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên đề nghị xem xét và áp dụng để giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại tài sản cho các bị hại xong, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Trung G.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trung G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/6/2023.

2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; điểm đ khoản 1 Điều 32; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/7/2023.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Trung G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

6/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CQĐT Công an thị xã Ngã Năm;
- CQ THAHS Công an thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- UBND phường 2, thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn